



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 12/10/2026 (Thứ Hai)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
1.6	20:07	23:45	↗
3.6	01:46	05:15	↘
0.8	08:25	12:15	↗
3.6	14:55	18:15	↘
1.9	20:40	00:15	↗

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	V.Tùng	JIN JI YUAN	10.4	190	25,700	P/s3 - BP6	00:30	Thả neo, tăng cường dây	A2-A5
2	B.Long	SEOUL GLOW	9.1	176	18,123	P/s3 - CL4	01:00	// 04.00	A3-A6
3	Duyệt	HAIAN IRIS	6.8	147	9,963	H25 - TCHP	02:00	// 04.00	08-SG96
4	Nghị - T.Dũng	YM HORIZON	8	169	15,167	P/s3 - BNPH	07:00		A1-01
5	Nhật	SITC JIADE	8.6	172	18,848	P/s3 - CL7	08:30	// 10.30	A3-01
6	N.Minh	INTERASIA MOMENTUM	10.4	200	27,104	P/s3 - CL5	13:00	// 13.00	A2-A5
7	Trung - Kiên	KOTA NAZAR	10.5	180	20,902	P/s3 - CL1	13:00	// 13.00	A3-A6
8	Chính	XIN HAI XIU	7.1	132	6,680	H25 - TCHP	13:00		08-SG96
9	Đ.Chiến	WAN HAI 315	10.5	213	27,800	P/s3 - CL3	13:30	// 13.00; Q.H	A2-A5
10	Vinh	SHENG LI JI	8.4	172	18,219	P/s3 - CL4	14:30	// 17.30	A2-A5
11	Đ.Minh - Anh	POS LAEMCHABANG	9.6	172	17,846	P/s3 - BNPH	14:30	// 18.00	A1-A6
12	P.Thùy	UNI PREMIER	9.2	182	17,887	P/s3 - CL7	20:00	// 23.00	A1-A6

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	P.Hung - Đăng	NYK VEGA	11.3	339	97,825	CM2 - P/s3	08:00	MP-VTX	MR-AWA
2	N.Chiến	HAIAN BELL	8.2	155	14,308	CM4 - P/s3	08:00		A9-A10
3	Đ.Long - Chương	OOCL LAVENDER	12.2	367	159,260	P/s3 - CM4	08:30	MT-3NM-VTX	A9-A10-H8-H9
4	H.Trường - P.Cân	WAN HAI A03	11	336	123,104	P/s3 - CM2	14:00	MP	MR-KS-AWA
5	T.Cân - N.Tuấn	WAN HAI A15	13.9	335	122,045	CM3 - P/s3	21:00	MP	MR-KS-AWA

STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Khái	SKY RAINBOW	8.5	173	17,944	BNPH - P/s3	04:00		A1-01
2	V.Hoàng	SITC CHANGDE	7.4	172	19,011	CL4 - P/s3	22:00		A3-A6

3	N.Dũng	JOSCO LUCKY	9	172	18,885	TCHP - H25	04:00		08-SG96
4	M.Hải - M.Hùng	TPC-TK-05; TPC-SL-15	2.9	190	6,257	CanGio - H25	14:00		
5	Th.Hùng - Th.Tùng	PEGASUS PROTO	9.2	172	18,354	CL7 - P/s3	10:30		A2-A3
6	Quân	MERATUS JAYAGIRI	9	200	25,535	CL4-5 - P/s3	12:00		A1-A6
7	T.Tùng - Quyền	ARCHER	9.8	223	27,779	CL5 - P/s3	13:00		A1-A6
8	P.Tuấn - Hoàn	EVER BRAVE	9.5	211	32,691	CL3 - P/s3	13:00		A2-A5
9	M.Cường - Lương	SAWASDEE BALTIC	9.7	172	18,051	CL1 - P/s3	13:00		A3-01
10	M.Tùng	HAIAN IRIS	7.5	147	9,963	TCHP - H25	13:00		08-SG96
11	N.Cường	SEOUL GLOW	9.5	176	18,123	CL4 - P/s3	17:30		A3-A6
12	V.Dũng	YM HORIZON	6.8	169	15,167	BNPH - P/s3	18:00		A1-01
13	Đào	SITC JIADE	9	172	18,848	CL7 - P/s3	23:00		A1-A3
STT	Hoa tiêu	Tàu đời	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Thịnh	JIN JI YUAN	10.4	190	25,700	BP6 - CL4-5	12:00		A2-A5



PILOTING TO SUCCESS